

Số: 34 /GP-UBND

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 02 năm 2026

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; Luật 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT ngày 19/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1535/TTr-SNN&MT ngày 30/01/2026, Công văn số 1349/UBND-KT ngày 04/02/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang, địa chỉ trụ sở chính tại số 4A, đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình: Giếng khoan GK1, GK2, GK3, GK4 tại Trạm cấp nước Phú Phong.

2. Mục đích khai thác nước dưới đất: cấp nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh, dịch vụ cho Nhân dân.

3. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: ấp Phú Thạnh, xã Vĩnh Kim, tỉnh Đồng Tháp.

4. Tầng chứa nước khai thác: tầng chứa nước có áp Miocen trên (n_1^3).

5. Tổng số giếng khai thác: 04 giếng.

6. Tổng lưu lượng nước khai thác: 990 m^3 /ngày đêm, trong đó lưu lượng nước khai thác: sinh hoạt là 978,02 m^3 /ngày đêm, sản xuất là 11,48 m^3 /ngày đêm và kinh doanh, dịch vụ là 0,5 m^3 /ngày đêm.

7. Thời hạn của giấy phép: 02 năm, kể từ ngày 31 tháng 01 năm 2026.

8. Chế độ khai thác: 365 ngày/năm.

9. Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0)		Lưu lượng (m^3 /ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y		Từ	Đến		
GK1	1141764	632226	200	363	383	35	n_1^3
GK2	1141753	632232	200	361	381	35	n_1^3
GK3	1141753	632220	200	364	384	35	n_1^3
GK4	1141759	632230	390	359	379	35	n_1^3

(có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Yêu cầu đối với Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này, nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện quan trắc, giám sát và báo cáo tình hình khai thác tài nguyên nước

a) Thực hiện quan trắc, giám sát khai thác tài nguyên nước

- Thực hiện giám sát định kỳ đối với lưu lượng khai thác của công trình, mực nước tại giếng khai thác, chế độ giám sát không quá 24 giờ 01 lần và phải cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh hoặc Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trước 10 giờ sáng ngày hôm sau.

- Thực hiện giám sát định kỳ đối với chất lượng nước trong quá trình khai thác tại vị trí giếng khai thác; thông số quan trắc gồm: pH, Tổng Coliform, Nitrate, Nitrite, Amoni, Chỉ số Permanganat, Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Độ cứng, Arsenic, Chloride, Sắt, Mangan; tần suất quan trắc: 01 lần/năm và thực hiện cập nhật số liệu vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước

của tỉnh hoặc Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả phân tích.

b) Báo cáo định kỳ (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo) tình hình khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 61 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ và thông tin, số liệu khác về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường và cập nhật báo cáo vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh hoặc Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia theo quy định.

3. Lắp đặt, cắm biển chỉ dẫn, bảo vệ biển chỉ dẫn về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình khai thác; bảo vệ nguồn nước khu vực lấy nước; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình theo quy định.

4. Thực hiện đầy đủ các quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt; tuân thủ các quy định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành có liên quan đến sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

5. Nếu có sự thay đổi nội dung của Giấy phép phải thực hiện các thủ tục đề nghị cấp phép hoặc điều chỉnh hoặc cấp lại thì phải lập hồ sơ đề nghị cấp phép và hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có) gửi đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

6. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên (nếu có) và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước.

8. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình khai thác công trình trên. Trường hợp gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác hoặc xảy ra sự cố công trình, sụt, lún đất hoặc các sự cố bất thường khác thì phải dừng ngay việc khai thác, kịp thời xử lý, khắc phục sự cố, bồi thường thiệt hại (nếu có); thông báo kịp thời tới Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh hoặc Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất của công trình này.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh hoặc Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 31/01/2026, thay thế Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 33/GP-UBND ngày 27/02/2024 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang cấp. Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang phải hoàn thành việc di dời 03 giếng khoan (GK2, GK3, GK4) ra khỏi phạm vi đất do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Kim quản lý trước khi giấy phép hết hạn. Nếu Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang còn tiếp tục khai thác nước dưới đất tại giếng khoan GK1 thì phải làm thủ tục cấp giấy phép theo quy định trước khi giấy phép hết hạn. / 

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thuế tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Vĩnh Kim;
- Cty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang;
- VPUB: CVP và các PCVP, các Phòng nghiên cứu;
- Lưu: VT, Nguyên.

5

KT. CHỦ TỊCH 
PHÓ CHỦ TỊCH


Nguyễn Thành Diệu